

Số: 06 /2016/TT-BGDĐT

STEN Số: 225

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Ngày: 31/3/2016

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài

Chuyển file - TCUB
- CBVC
[Signature]

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đào tạo với nước ngoài;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2016. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Đào tạo với nước ngoài, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- UBVHGDTNTNNĐ của QH;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- Cục KTrVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công báo;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục ĐTVNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Ga

QUY CHẾ

Tuyển sinh đi học nước ngoài

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tuyển sinh đi học nước ngoài theo các chương trình học bổng ngân sách Nhà nước, học bổng Hiệp định và học bổng khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, bao gồm: đối tượng, điều kiện, nguyên tắc và phương thức tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh và xử lý kết quả tuyển sinh.

2. Quy chế này áp dụng đối với việc tuyển sinh trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, thực tập và bồi dưỡng ở nước ngoài.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh đi học nước ngoài theo các đề án, dự án do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đã có văn bản hướng dẫn triển khai, quy định chi tiết công tác tuyển sinh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị chủ trì tuyển sinh* là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, được giao nhiệm vụ điều hành, phụ trách các công tác liên quan đến tuyển sinh đi học nước ngoài theo các chương trình học bổng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. *Hội đồng tuyển chọn* là hội đồng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ trì tuyển sinh để thực hiện việc tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài.

3. *Nhà tài trợ* là Chính phủ nước ngoài, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cung cấp, hỗ trợ tài chính cho công dân Việt Nam đi học tập hoặc bồi dưỡng ở nước ngoài.

4. *Học bổng ngân sách Nhà nước* là học bổng từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước theo các đề án, dự án được Chính phủ phê duyệt.

5. *Học bổng Hiệp định* là học bổng theo Thỏa thuận hợp tác và Hiệp định ký kết giữa Nhà nước và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế.

6. *Học bổng khác* là học bổng do các nhà tài trợ cung cấp, bao gồm cả nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) do các đơn vị, chương trình, dự án thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Điều 3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự tuyển đi học nước ngoài là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.
2. Đảm bảo có đủ sức khỏe để tham gia khóa học ở nước ngoài.
3. Không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Có văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của từng chương trình học bổng tương ứng.
5. Đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của từng chương trình học bổng.
6. Trong độ tuổi theo quy định của từng chương trình học bổng.
7. Nộp đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ và lệ phí tuyển sinh (nếu có) theo quy định tại thông báo tuyển sinh.
8. Đáp ứng các quy định hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức (đối với ứng viên là công chức, viên chức).
9. Đáp ứng các điều kiện cụ thể khác của từng chương trình học bổng.

Điều 4. Ưu tiên trong tuyển sinh

1. Đối tượng ưu tiên
 - a) Ứng viên thuộc các cơ quan, địa phương được ưu tiên về đào tạo nhân lực theo quy định của Chính phủ;
 - b) Ứng viên có thành tích xuất sắc trong học tập và nghiên cứu khoa học;
 - c) Các đối tượng ưu tiên khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và của từng chương trình học bổng cụ thể.
2. Ngành đào tạo ưu tiên
 - a) Các ngành đào tạo phù hợp với định hướng, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực trong từng giai đoạn; các ngành học đặc thù cần ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các chương trình, đề án, dự án quốc gia do Chính phủ phê duyệt;
 - b) Các ngành học Việt Nam chưa có khả năng đào tạo hoặc chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, số lượng cán bộ ngành này ở Việt Nam còn thiếu;

c) Các ngành học phía nước ngoài ưu tiên cấp học bổng cho Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc đăng ký dự tuyển

1. Tại thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời triển khai nhiều chương trình học bổng, ứng viên chỉ được đăng ký dự tuyển một chương trình học bổng với trình độ cao hơn trình độ đã có văn bằng. Trường hợp đặc biệt sẽ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

2. Ứng viên dự tuyển trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phải đăng ký dự tuyển ngành học ở nước ngoài phù hợp với nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, địa phương cử đi học; phù hợp với vị trí việc làm, nhu cầu công tác của cơ quan hoặc ngành học đã tốt nghiệp ở trình độ đào tạo trước đó.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

1. Tuyển sinh đi học nước ngoài được thực hiện theo một trong các phương thức: xét tuyển; hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển.

2. Căn cứ quy định của từng chương trình học bổng, đơn vị chủ trì tuyển sinh thống nhất ý kiến bằng văn bản với các đơn vị liên quan quyết định phương thức tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 7. Tiêu chí tuyển chọn ứng viên

1. Trên cơ sở quy định cụ thể của từng chương trình học bổng, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng tuyển chọn thống nhất với đơn vị chủ trì tuyển sinh và các đơn vị liên quan quy định các tiêu chí tuyển chọn và thứ tự ưu tiên của các tiêu chí.

2. Tiêu chí tuyển chọn bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thành tích, giải thưởng trong học tập, nghiên cứu, công tác (nếu có);
- b) Kết quả học tập của cấp học, trình độ đào tạo đã tốt nghiệp trước đó;
- c) Điểm ngoại ngữ (theo quy định cụ thể của chương trình học bổng);
- d) Đánh giá và thứ tự ưu tiên theo đề nghị của cơ quan giới thiệu dự tuyển (nếu có);
- đ) Thời gian công tác (nếu có);
- e) Kết quả thi tuyển (nếu có);
- g) Các tiêu chí và quy định ưu tiên khác theo quy định của từng chương trình học bổng.

Chương III

TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Điều 8. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh đi học nước ngoài được gửi đến các cơ quan, bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tùy theo yêu cầu và tính chất phù hợp của chương

trình học bổng; được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: www.moet.gov.vn và trang thông tin điện tử của đơn vị chủ trì tuyển sinh. Thông báo tuyển sinh được đăng tải trên các trang thông tin điện tử này có giá trị pháp lý như văn bản chính.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: nước gửi đến đào tạo, trình độ đào tạo, phương thức tuyển sinh, số lượng học bổng, chỉ tiêu học bổng cho từng trình độ, ngành (nếu có), chế độ học bổng, thời gian đào tạo, đối tượng, điều kiện, hồ sơ và thời hạn dự tuyển.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

1. Trên cơ sở quy định cụ thể của từng chương trình học bổng và ý kiến của các đơn vị liên quan, đơn vị chủ trì tuyển sinh quy định hồ sơ dự tuyển phù hợp với từng đối tượng và trình độ tuyển sinh.

2. Ứng viên nộp 01 bộ hồ sơ tương ứng với cấp học hoặc trình độ đào tạo đăng ký dự tuyển theo hình thức nộp trực tiếp trong giờ hành chính hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến địa chỉ nhận hồ sơ theo quy định tại thông báo tuyển sinh và nộp hồ sơ trực tuyến (nếu có).

3. Yêu cầu hồ sơ dự tuyển đối với cấp học, trình độ đào tạo được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

4. Mẫu phiếu đăng ký dự tuyển quy định tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Hội đồng tuyển chọn

1. Hội đồng tuyển chọn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập bao gồm các thành phần:

a) Chủ tịch Hội đồng: đại diện lãnh đạo đơn vị chủ trì tuyển sinh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan;

c) Các ủy viên Hội đồng: đại diện lãnh đạo các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng chương trình học bổng, các ủy viên hội đồng có thể bao gồm đại diện nhà tài trợ và các cơ quan, đơn vị khác.

2. Giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn có Tổ thư ký Hội đồng tuyển chọn bao gồm Tổ trưởng Tổ thư ký và các thành viên Tổ thư ký là công chức, viên chức công tác tại đơn vị chủ trì tuyển sinh, các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị khác (nếu có).

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển chọn:

a) Thống nhất nguyên tắc làm việc và các tiêu chí tuyển chọn ứng viên;

b) Tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng tuyển sinh và các tiêu chí tuyển chọn theo quy định của từng chương trình học bổng;

c) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề xuất phương án xử lý

khi có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài;

d) Phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kết quả tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài;

đ) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả tuyển chọn ứng viên.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ thư ký:

a) Phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh lập danh sách trích ngang, phân loại ứng viên theo trình độ đào tạo, nước đăng ký dự tuyển;

b) Phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh kiểm tra, đối chiếu hồ sơ dự tuyển với danh sách trích ngang;

c) Sắp xếp thứ tự ứng viên dự tuyển từ cao xuống thấp theo các tiêu chí tuyển chọn theo từng trình độ đào tạo và nước đăng ký dự tuyển;

d) Trình Hội đồng tuyển chọn xem xét danh sách ứng viên dự tuyển;

đ) Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng tuyển chọn;

e) Ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng tuyển chọn;

g) Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong quá trình tuyển sinh theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn.

5. Người có bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh chị em ruột đăng ký dự tuyển theo các chương trình học bổng thì không được tham gia Hội đồng tuyển chọn và Tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng.

Điều 11. Nhiệm vụ của đơn vị chủ trì tuyển sinh

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tuyển sinh đi học nước ngoài theo các chương trình, đề án, dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn và Tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thông báo tuyển sinh.

4. Thu hồ sơ dự tuyển và lệ phí dự tuyển (nếu có) theo thời hạn của thông báo tuyển sinh.

5. Bố trí các điều kiện, phương tiện làm việc cần thiết cho các hoạt động của Hội đồng tuyển chọn.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức và thực hiện công tác tuyển sinh đi học nước ngoài bao gồm việc lập trích ngang, xử lý hồ sơ dự tuyển và tuyển chọn ứng viên quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

7. Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kết quả tuyển chọn.

8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý kết quả sau tuyển chọn cho ứng viên.

9. Thực hiện lưu trữ hồ sơ và tài liệu tuyển sinh theo quy định hiện hành.

10. Thực hiện các công việc khác liên quan đến công tác tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 12. Trình tự xử lý hồ sơ dự tuyển và tuyển chọn ứng viên

1. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ dự tuyển học bổng, Hội đồng tuyển chọn tổ chức họp xét và thống nhất danh sách ứng viên đủ điều kiện trúng tuyển hoặc đạt yêu cầu sơ tuyển (đối với chương trình học bổng có sơ tuyển).

2. Đơn vị chủ trì tuyển sinh thông nhất kết quả tuyển chọn với các bên liên quan (nếu có) trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét phê duyệt.

Điều 13. Thông báo kết quả tuyển chọn

Đơn vị chủ trì tuyển sinh gửi thông báo tới các ứng viên đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tuyển chọn theo một hoặc kết hợp các hình thức sau đây:

1. Đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị chủ trì tuyển sinh.

2. Thông báo qua bưu điện theo đường văn thư.

3. Thông báo qua thư điện tử cá nhân (email) của ứng viên.

4. Thông báo trên hệ thống tuyển sinh của Cục Đào tạo với nước ngoài tại địa chỉ: <https://tuyensinh.vied.vn>.

5. Các hình thức khác theo quy định của chương trình học bổng.

Chương IV

XỬ LÝ KẾT QUẢ TUYỂN SINH

Điều 14. Bồi dưỡng ngoại ngữ

1. Ứng viên được tuyển chọn đi học nước ngoài cần chủ động bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ để đáp ứng điều kiện ngoại ngữ của cơ sở giáo dục ở nước ngoài.

2. Ứng viên được tuyển chọn đi học nước ngoài nếu có nguyện vọng tạm dừng học tập hoặc công tác để bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ phải xin phép cơ sở giáo dục hoặc cơ quan công tác. Sau thời gian học ngoại ngữ ứng viên phải trở về cơ sở giáo dục, cơ quan công tác để tiếp tục học tập, công tác trong khi chờ làm thủ tục đi học nước ngoài.

Điều 15. Liên hệ cơ sở giáo dục nước ngoài tiếp nhận ứng viên

1. Đơn vị chủ trì tuyển sinh cấp xác nhận học bổng cho ứng viên được tuyển chọn đi học nước ngoài để đăng ký nhập học với cơ sở giáo dục nước ngoài (theo quy định của từng chương trình học bổng).

2. Liên hệ cơ sở giáo dục nước ngoài cho ứng viên:

a) Đơn vị chủ trì tuyển sinh phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ liên hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài, xin văn bản tiếp nhận đào tạo cho các ứng viên đã được tuyển chọn;

b) Ứng viên tự liên hệ, xin văn bản tiếp nhận đào tạo chính thức từ cơ sở giáo dục nước ngoài.

Điều 16. Thủ tục cử đi học nước ngoài

1. Hồ sơ cử đi học nước ngoài

Ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài hoàn thiện thủ tục cử đi học sau khi nhận được văn bản tiếp nhận đào tạo chính thức từ cơ sở giáo dục nước ngoài. Ngoài hồ sơ dự tuyển đã nộp, hồ sơ đi học nước ngoài cần bổ sung thêm các loại giấy tờ quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

2. Quy trình xử lý hồ sơ đi học nước ngoài

a) Đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương được tuyển chọn đi học theo học bổng ngân sách Nhà nước, học bổng Hiệp định, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp giấy triệu tập đi học nước ngoài và ra quyết định cử đi học khi có văn bản của cơ quan công tác đồng ý cử ứng viên đi học nước ngoài;

b) Đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương được tuyển chọn đi học theo học bổng khác, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản thông báo kết quả trúng tuyển đến ứng viên và cơ quan công tác của ứng viên để giải quyết thủ tục đi học nước ngoài;

c) Đối với ứng viên chưa có cơ quan công tác, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cử đi học nước ngoài.

3. Thời hạn giải quyết

Thời hạn giải quyết thủ tục cử người đi học ở nước ngoài tối đa là 30 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận kết quả cấp học bổng của phía nước ngoài (nếu có) và nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

Điều 17. Những thay đổi sau khi có kết quả tuyển chọn

1. Ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài nếu có nguyện vọng thay đổi nước đến học hoặc ngành học phải báo cáo với cơ quan giới thiệu dự tuyển và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc thay đổi nước đến học, ngành học chỉ được xem xét khi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và thực hiện (01) lần trước khi có quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điều kiện được xem xét thay đổi nước đến học hoặc ngành học:

a) Thay đổi nước đến học

- Chương trình học bổng có các lựa chọn về nước đến học;

- Ứng viên đã nộp hồ sơ xin tiếp nhận đào tạo tại ít nhất ba (03) cơ sở giáo dục ở nước đã trúng tuyển cùng với sự hỗ trợ của đơn vị chủ trì tuyển sinh nhưng không được cơ sở nào tiếp nhận;

- Chỉ tiêu tuyển sinh tại nước xin chuyển đến học chưa sử dụng hết;

- Đã được một cơ sở giáo dục có uy tín (có các chương trình học được kiểm định bởi các hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức kiểm định giáo dục có uy tín quốc gia hoặc quốc tế; hoặc chương trình học được cơ quan có thẩm quyền quản lý, cho phép đào tạo và cấp bằng trong trường hợp nước đó chưa thực hiện hoặc ban hành danh sách các chương trình hoặc cơ sở giáo dục được kiểm định chất lượng) ở nước xin chuyển đến đồng ý tiếp nhận;

- Kinh phí đào tạo tại cơ sở giáo dục ở nước xin chuyển đến phải thấp hơn hoặc bằng kinh phí đào tạo tại cơ sở giáo dục ở nước đã trúng tuyển. Trong trường hợp kinh phí đào tạo cao hơn, ứng viên phải tự thu xếp phần kinh phí vượt trội.

b) Thay đổi ngành học: Ngành xin chuyển được xác định là ngành cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

3. Ứng viên có nguyện vọng thay đổi nước đến học hoặc ngành học nộp 01 bộ hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp trong giờ hành chính tại trụ sở làm việc của đơn vị chủ trì tuyển sinh hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện, bao gồm các giấy tờ sau:

a) Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này;

b) Văn bản tiếp nhận đào tạo của cơ sở giáo dục nước ngoài (đối với trường hợp xin đổi nước đến học);

c) Minh chứng bằng văn bản về việc không được cơ sở giáo dục ở nước đã trúng tuyển tiếp nhận (đối với trường hợp xin đổi nước đến học);

d) Văn bản ủng hộ và đồng ý cho phép thay đổi nước đến học, ngành học của cơ quan công tác hoặc cơ quan giới thiệu dự tuyển (đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương);

đ) Văn bản đồng ý cho phép thay đổi nước đến học hoặc ngành học của nhà tài trợ (nếu có).

4. Trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của ứng viên, đơn vị chủ trì tuyển sinh sẽ xử lý và thông báo kết quả tới ứng viên bằng cách thức sau:

a) Thông báo qua bưu điện theo đường văn thư;

b) Thông báo qua thư điện tử cá nhân (email) của ứng viên;

c) Các hình thức khác theo quy định của chương trình học bổng.

Điều 18. Ứng viên xin rút không đi học

1. Ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài nhưng không đi học vì lý do cá nhân phải có đơn gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xin rút không đi học. Đối

với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương được cử đi dự tuyển, đơn xin rút không đi học phải được cơ quan công tác xác nhận.

2. Ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài nhưng không đi học vì lý do cá nhân không được đăng ký dự tuyển các chương trình học bổng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trong thời gian 02 năm kể từ ngày nộp đơn xin rút không đi học.

Điều 19. Xem xét lại kết quả tuyển chọn

1. Trong trường hợp các tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị xem xét lại kết quả tuyển chọn học bổng, đơn vị chủ trì tuyển sinh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, xử lý và có công văn trả lời chính thức trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

2. Việc xem xét lại kết quả tuyển chọn chỉ thực hiện một (01) lần đối với mỗi ứng viên dự tuyển một chương trình học bổng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Khen thưởng

1. Thủ trưởng đơn vị chủ trì tuyển sinh đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng:

- a) Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển sinh được giao;
- b) Những người có nhiều đóng góp cho công tác tuyển sinh.

2. Kinh phí khen thưởng trích trong lệ phí tuyển sinh.

Điều 21. Xử lý vi phạm đối với ứng viên

1. Ứng viên dự tuyển đi học nước ngoài có hành vi vi phạm quy chế này, căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, áp dụng các hình thức xử lý sau:

a) Không được phép đăng ký dự tuyển đi học nước ngoài theo các chương trình học bổng của Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trong thời gian tối thiểu 02 năm hoặc vĩnh viễn; hủy kết quả tuyển chọn (áp dụng với người đã được tuyển chọn);

b) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

2. Ứng viên là công chức, viên chức bị xử lý kỉ luật theo quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật công chức, viên chức.

3. Căn cứ tính chất và mức độ vi phạm quy chế, lãnh đạo đơn vị chủ trì tuyển sinh quyết định áp dụng hình thức xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

Việc xử lý vi phạm đối với ứng viên phải được thông báo tới ứng viên và cơ quan, địa phương nơi người đó làm việc, cư trú.

Điều 22. Xử lý vi phạm đối với người tham gia công tác tuyển sinh

1. Người tham gia công tác tuyển sinh là công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy chế, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật công chức, viên chức.

2. Đối với những người vi phạm quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài là nhân viên hợp đồng, lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động quyết định xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 23. Trách nhiệm của ứng viên dự tuyển

1. Hoàn thiện hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và trung thực của thông tin cung cấp trong hồ sơ; nộp hồ sơ dự tuyển đầy đủ, đúng hạn và đăng ký dự tuyển theo đúng quy định.

2. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về nghĩa vụ của người dự tuyển học bổng theo quy định của từng chương trình học bổng.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản hoặc cơ quan giới thiệu ứng viên dự tuyển

1. Cử người tham gia dự tuyển bằng văn bản theo đúng đối tượng, đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận trong hồ sơ dự tuyển của ứng viên.

3. Chịu trách nhiệm giải quyết thủ tục cử ứng viên đã được tuyển chọn đi học, tiếp nhận và bố trí công tác cho ứng viên sau khi tốt nghiệp về nước (theo cam kết tuyển dụng khi cử ứng viên đi học).

4. Tạo điều kiện cho ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài tham gia các khóa bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản tổ chức hoặc do ứng viên chủ động đăng ký tham gia.

5. Tiếp nhận ứng viên về tiếp tục học tập, công tác đối với ứng viên đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tuyển chọn nhưng ứng viên xin rút không đi học (có lý do chính đáng).

Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Cục Đào tạo với nước ngoài:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc ra thông báo tuyển sinh, tổ chức thực hiện tuyển sinh đi học nước ngoài và xử lý kết quả sau tuyển chọn đối với các dự án, đề án, chương trình học bổng theo phân công nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Quy chế này và các văn bản liên quan;

b) Phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh khác thực hiện tuyển sinh đi học

nước ngoài đối với các dự án, đề án, chương trình học bổng do đơn vị khác chủ trì tuyển sinh theo phân công nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm và dự toán ngân sách để thực hiện các chương trình học bổng ngân sách nhà nước, Hiệp định và học bổng khác;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thống kê, báo cáo số liệu tuyển sinh đi học nước ngoài theo các chương trình học bổng.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính cân đối chỉ tiêu tuyển sinh, kế hoạch tài chính trong việc tuyển sinh đi học nước ngoài có sử dụng ngân sách Nhà nước.

3. Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh xác minh chất lượng, uy tín của cơ sở giáo dục nước ngoài tiếp nhận người học.

4. Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh xác minh, công nhận văn bằng đã tốt nghiệp ở nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho ứng viên.


5. Các Cục, Vụ và đơn vị khác phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh xử lý các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh đi học nước ngoài theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2013 sẽ áp dụng quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư này kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Các đề án, dự án tuyển sinh đi học nước ngoài được xây dựng và triển khai sau ngày thông tư này có hiệu lực, nếu xây dựng văn bản quy định chi tiết công tác tuyển sinh theo đặc thù của đề án, dự án, phải đảm bảo các điều kiện, nguyên tắc chung về tổ chức tuyển sinh quy định tại Quy chế này.

KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Bùi Văn Ga